

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/HS-ST

Ngày: 14 - 3 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2023/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Văn Đ, sinh năm: 1965, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X, Đường Y, Khu phố Z, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Trần Văn S (©) và bà Nguyễn Thị H (©); bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 06 anh chị em; vợ: Hồ Thị H, sinh năm 1970 và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước, nên khoảng 20 giờ 45 phút, ngày 11/01/2022, Trần Văn Đ chạy xe mô tô vào nhà bà Trần Thị N tại Số X, Đường Y, phường T, thành phố Thủ Đức. Tại đây, Đ dùng xe mô tô của mình tông vào xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 93L1-273.22 của bà N làm xe 93L1-273.22 ngã xuống sân làm hỏng ốp sườn phải, ốp xi nhan trái, ví pô, nẹp dưới chân phải, sàn chân phải. Sau đó, Đ lấy 01 cây cuốc có cán bằng tre ở sân đi vào nhà đập làm hư hỏng 03 tấm kính cánh cửa chính, 01 bàn kính sofa rồi đi ra sân dùng cuốc đập vào bên phải của xe mô tô nêu trên của bà N. Sau khi đập phá tài sản, Đ bỏ đi. Đến ngày 17/01/2022, bà N đến Công an phường T trình báo sự việc.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Đ thừa nhận hành vi như trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị hại và đối tượng Trần Văn Đ ghi nhận thống nhất liệt kê các tài sản bị Đ làm hư hỏng.

Kết luận định giá tài sản số 166 ngày 19/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức kết luận tổng tài sản bị hư hỏng là 2.930.174 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 cây cuốc có lưỡi bằng sắt, cán bằng tre; 01 xe mô tô biển số 93L1-273.22; một số mảnh vỡ nhựa; 01 số mảnh vỡ kính; 01 bàn sofa: Đây là tài sản của bà N nên đã trả lại cho bà N.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59N1-36737, kết quả xác minh do bà Phạm Thị Nga đứng tên chủ sở hữu, sau đó bà Nga bán cho cửa hàng xe gắn máy do Hà Quang H làm chủ, năm 2016 Trần Văn Đ mua lại xe trên để làm phương tiện đi lại.

- 01 USB chứa video ghi nhận sự việc.

Về dân sự: Trần Văn Đ đã bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 20.000.000 đồng, bà N đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số: 12/CT-VKSTPTĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Văn Đ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi thời hạn tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với kết luận định giá, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của mình. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là bà Trần Thị N đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm, có đơn xin bãi nại cho bị cáo và vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc bị hại vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 11/01/2022, tại nhà bà Trần Thị N, tại địa chỉ: Số X, Đường Y, phường T, thành phố Thủ Đức, vì mâu thuẫn cá nhân với bà N, Trần Văn Đ đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59N1-367.37 đi vào sân nhà bà N rồi cố ý đụng vào xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 93L1-273.22 của bà N gây hư hỏng, sau đó Đ tiếp tục dùng 01 cuốc có cán bằng tre đập vỡ 03 tấm kính cánh cửa chính, 01 bàn xô pha gây hư hỏng tài sản trị giá 2.930.174 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có khả năng

nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì nóng giận, không kiềm chế được bản thân nên đã có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản trị giá 2.930.174 đồng. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Tổng tài sản bị cáo làm hư hỏng trị giá là 2.930.174 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được bị hại làm đơn xin bãi nại; gia đình bị cáo có công với cách mạng (cụ thể: Mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị H được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; Chính phủ tặng Bằng khen do đã góp công vào công sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước) nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại là bà Trần Thị N đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cây cuốc có lưỡi bằng sắt, cán bằng tre; 01 xe mô tô biển số 93L1- 273.22; một số mảnh vỡ nhựa; 01 số mảnh vỡ kính; 01 bàn số pha: Đây là tài sản của bà N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà N là có căn cứ.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59N1-36737 là tài sản cá nhân của bị cáo, đã trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

- Đối với 01 USB chứa video ghi nhận sự việc là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn Đ** phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ**: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo rõ)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc